

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-26)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.T.ở	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	11221005	TRẦN THỊ ANH	1	<i>Thi</i>	5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
2	11221006	NGUYỄN HOÀNG ANH	1	<i>Thi</i>	7	2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
3	11221007	NGUYỄN HOÀNG ANH	1	<i>Thi</i>	5	3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
4	11221008	NGUYỄN VĂN BÂY	1	<i>Thi</i>	5	4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
5	11221009	NGUYỄN VĂN BÊN	1	<i>Thi</i>	4	5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
6	11221010	NGUYỄN THÀNH CÔNG	1	<i>Thi</i>	6	6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
7	11221011	ĐẶNG HÙNG CƯỜNG	1	<i>Thi</i>	1	7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
8	11221014	PHẠM XUÂN DŨNG	1	<i>Thi</i>	5	8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
9	11221015	HUỖNH NGUYỄN TRỌNG DUY	1	<i>Thi</i>	5	9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
10	11221013	BÙI TẤN DƯƠNG	1	<i>Thi</i>	5	10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
11	11221012	VÕ THỊ THÙY DƯƠNG	1	<i>Thi</i>	6	11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
12	11221002	HUỖNH VĂN ĐIỀN	1	<i>Thi</i>	6	12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
13	11221003	ĐẶNG THANH ĐIỀU	1	<i>Thi</i>	5	13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
14	11221001	HUỖNH RẠNG ĐÔNG	1	<i>Thi</i>	1	14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
15	11221004	LÊ HỮU DỨC	1	<i>Thi</i>	2	15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
16	11221016	NGUYỄN TÚ EM	1	<i>Thi</i>	1	16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
17	11221017	PHAN TRƯỜNG GIANG	1	<i>Thi</i>	4	17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
18	11221020	MAI HỒNG HẠNH	1	<i>Thi</i>	7	18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
19	11221021	NGUYỄN NGỌC HẠNH	1	<i>Thi</i>	6	19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
20	11221018	VÕ THỊ THANH HẠNH	1	<i>Thi</i>	6	20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
21	11221022	LÂM TRỌNG HIẾU	1	<i>Thi</i>	6	21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
22	11221023	LÊ PHÚ HUY	1	<i>Thi</i>	7	22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
23	11221024	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	1	<i>Thi</i>	3	23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
24	11221019	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	1	<i>Thi</i>	1	24 25 26 27 28 29 30 31 32
25	11221025	TRẦN NAM KHA	1	<i>Thi</i>	6	25 26 27 28 29 30 31 32
26	11221026	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	1	<i>Thi</i>	5	26 27 28 29 30 31 32
27	11221028	HUỖNH PHI LONG	1	<i>Thi</i>	6	27 28 29 30 31 32
28	11221029	NGÔ HOÀNG LONG	1	<i>Thi</i>	5	28 29 30 31 32
29	11221027	HUỖNH THIẾU LƯƠNG	1	<i>Thi</i>	1	29 30 31 32
30	11221030	HUỖNH HOÀNG MINH	1	<i>Thi</i>	2	30 31 32
31	11221032	NGUYỄN VĂN NHÂN	1	<i>Thi</i>	2	31 32
32	11221033	ĐÀO KIM NHÂN	1	<i>Thi</i>	3	32

Số bài: 63

Số tờ: 63

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9 tháng 1 năm 2012

Trần Công Bình

Đinh T. Trung Hoàng

Nguyễn Khắc Thuần

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02726

Trang 2/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-26)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tô	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	11221031	LÊ TRỌNG	NHÂN	1	4	1
34	11221034	TRẦN THANH	NUÔI	1	5	2
35	11221040	LÊ HOÀI	PHONG	1	4	3
36	11221037	NGUYỄN THANH	PHÚ	1	4	4
37	11221038	HUỲNH DIỆM	PHÚC	1	4	5
38	11221039	NGUYỄN THANH	PHÚC	1	4	6
39	11221035	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	1	6	7
40	11221036	LƯƠNG NGỌC	PHƯƠNG	1	5	8
41	11221041	HUỲNH THANH	SANG	1	5	9
42	11221042	PHAN VĂN	SANG	1	4	10
43	11221043	TRƯƠNG THANH	SANG	1	6	11
44	11221044	NGUYỄN NHẬT	SINH	1	5	12
45	11221046	LÊ THÀNH	TÂN	1	4	13
46	11221054	NGUYỄN PHÚ	THANH	1	4	14
47	11221048	VÕ THÀNH	THUẬN	1	5	15
48	11221049	VÕ TRƯỜNG	THÀNH	1	6	16
49	11221050	MAI VĂN	THẢO	1	6	17
50	11221052	PHẠM THỊ HỒNG	THẨM	1	4	18
51	11221051	NGUYỄN VĂN	THẮNG	1	2	19
52	11221053	HUỲNH MINH	THẮNG	1	4	20
53	11221047	LÊ THỊ ANH	THƯ	1	4	21
54	11221055	HỒ VĂN	THUẬT	1	5	22
55	11221058	MAI THANH	TOÀN	1	5	23
56	11221045	TRẦN BẢO	TỒN	1	4	24
57	11221056	HUỲNH MINH	TÔI	1	3	25
58	11221061	VÕ THANH	TRAI	1	6	26
59	11221059	NGUYỄN HẢI MINH	TRẦN	1	6	27
60	11221064	TRẦN MINH	TRÍ	1	5	28
61	11221063	VÕ MINH	TRÍ	1	7	29
62	11221062	PHẠM VĂN	TRỌNG	1	7	30
63	11221060	ÔN THANH	TRƯƠNG	1	6	31
64	11221066	ĐỒNG VĂN	TUẤN	1	5	32

Số bài: 63 Số tờ: 63 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm

Trần Công Bình
Đinh T. Trung

Trần
Nguyễn Đức Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Pháp luật đại cương (202522-26)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	11221069	HUỖNH ANH	TUẦN		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
66	11221065	HUỖNH VĂN	TUẦN		3	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
67	11221068	NGUYỄN THANH	TUẦN		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
68	11221070	NGUYỄN VĂN	TUẦN		4	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
69	11221067	VÕ ANH	TUẦN		4	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
70	11221057	LÊ MINH	TÙNG		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
71	11221071	MAI THANH	TUYÊN		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
72	11221072	NGUYỄN ANH	VŨ		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
73	11221073	NGUYỄN TẤN	VŨ		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
10						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
11						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
12						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
13						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
14						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
15						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
16						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
17						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
18						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
19						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
20						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
21						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
22						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
23						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
24						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
25						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
26						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
27						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
28						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
29						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
30						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
31						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32
32						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32

Số bài: 63

Số tờ: 63

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngàytháng năm

Trần Công Bình
Đinh T. Thủy Hoàng

Nguyễn Đức Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-01)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	11221005	TRẦN THỊ ANH	1	Thị Anh	Tam	1
2	11221006	NGUYỄN HOÀNG ANH	1	Phải	Ba	2
3	11221007	NGUYỄN HOÀNG ANH	1	Phải	Ba	3
4	11221008	NGUYỄN VĂN BÂY	1	Phải	Ba	4
5	11221009	NGUYỄN VĂN BÊN	1	Thị Anh	Nam	5
6	11221010	NGUYỄN THÀNH CÔNG	1	Phải	Ba	6
7	11221011	ĐẶNG HÙNG CUÔNG	✓	✓	✓	7
8	11221014	PHẠM XUÂN DŨNG	2	Phải	Tam	8
9	11221015	HUỖNH NGUYỄN TRỌNG DUY	2	Phải	Sau	9
10	11221013	BÙI TẤN DƯƠNG	1	Phải	Ba	10
11	11221012	VÕ THỊ THÙY DƯƠNG	2	Phải	Nam	11
12	11221002	HUỖNH VĂN ĐIỀN	1	Phải	Chín	12
13	11221003	ĐẶNG THANH ĐIỀU	1	Phải	Chín	13
14	11221001	HUỖNH RANG ĐÔNG	✓	✓	✓	14
15	11221004	LÊ HỮU ĐỨC	1	Phải	Ba	15
16	11221016	NGUYỄN TÚ EM	1	Phải	Nam	16
17	11221017	PHAN TRƯỜNG GIANG	1	Phải	Ba	17
18	11221020	MAI HỒNG HẠNH	1	Phải	Nam	18
19	11221021	NGUYỄN NGỌC HẠNH	1	Phải	Sau	19
20	11221018	VÕ THỊ THANH HẠNG	2	Phải	Tam	20
21	11221022	LÂM TRỌNG HIẾU	2	Phải	Ba	21
22	11221023	LÊ PHÚ HUY	2	Phải	Tam	22
23	11221024	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	1	Phải	Ba	23
24	11221019	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	✓	✓	✓	24
25	11221025	TRẦN NAM KHA	1	Phải	Ba	25
26	11221026	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	1	Phải	Nam	26
27	11221028	HUỖNH PHI LONG	2	Phải	Nam	27
28	11221029	NGÔ HOÀNG LONG	1	Phải	Ba	28
29	11221027	HUỖNH THIẾU LƯƠNG	✓	✓	✓	29
30	11221030	HUỖNH HOÀNG MINH	2	Phải	Tam	30
31	11221032	NGUYỄN VĂN NHÂN	1	Phải	Ba	31
32	11221033	ĐÀO KIM NHÂN	1	Phải	Sau	32

Số bài: 63

Số tờ: 82

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 09 tháng 5 năm 2012

Trần Công Bình
Đinh T. Thủy Hoàng

Phạm Đại Nghĩa

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	NHÂN	S.TĐ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	11221031	LÊ TRỌNG	NHÂN	1	Thao	Bon	1
34	11221034	TRẦN THANH	NUÔI	1	Uyên	Bon	2
35	11221040	LÊ HOÀI	PHONG	1	Phong	Bon	3
36	11221037	NGUYỄN THANH	PHÚ	✓	/	/	4
37	11221038	HUỖNH DIỆM	PHÚC	✓	/	/	5
38	11221039	NGUYỄN THANH	PHÚC	1	Phúc	/	6
39	11221035	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	2	Phước	Chín	7
40	11221036	LƯƠNG NGỌC	PHƯỢNG	2	Phượng	Ba	8
41	11221041	HUỖNH THANH	SANG	5	Thanh	Hai	9
42	11221042	PHAN VĂN	SANG	✓	/	/	10
43	11221043	TRƯƠNG THANH	SANG	1	Trương	Bon	11
44	11221044	NGUYỄN NHẬT	SINH	1	Nhật	Sáu	12
45	11221046	LÊ THÀNH	TÂN	✓	/	/	13
46	11221054	NGUYỄN PHÚ	THANH	✓	/	/	14
47	11221048	VÔ THANH	THUẬN	1	Thanh	Ba	15
48	11221049	VÔ TRƯỞNG	THÀNH	1	Trương	Sáu	16
49	11221050	MAI VĂN	THẢO	2	Thảo	Bon	17
50	11221052	PHẠM THỊ HỒNG	THẨM	2	Thị	Chín	18
51	11221051	NGUYỄN VĂN	THẮNG	1	Nguyễn	Bon	19
52	11221053	HUỖNH MINH	THẮNG	1	Huỳnh	Bon	20
53	11221047	LÊ THỊ ANH	THƯ	2	Lê	Bon	21
54	11221055	HỒ VĂN	THƯỢT	1	Hồ	Sáu	22
55	11221058	MAI THANH	TOÀN	1	Thanh	Năm	23
56	11221045	TRẦN BẢO	TỒN	1	Trần	Năm	24
57	11221056	HUỖNH MINH	TÓI	1	Huỳnh	Bon	25
58	11221061	VÔ THANH	TRAI	2	Vô	Bảy	26
59	11221059	NGUYỄN HẢI MINH	TRẦN	2	Nguyễn	Chín	27
60	11221064	TRẦN MINH	TRÍ	1	Trần	Bảy	28
61	11221063	VÔ MINH	TRÍ	1	Vô	Mười	29
62	11221062	PHẠM VĂN	TRỌNG	2	Phạm	Chín	30
63	11221060	ÔN THANH	TRƯỜNG	2	Ôn	Ba	31
64	11221066	ĐỒNG VĂN	TUẦN	1	Đồng	Ba	32

Ngày 01 tháng 6 năm 2022

Trần Công Bình
Đinh T. Thủy

Визначення

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-01)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S. Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	11221069	HUỖNH ANH	TUẦN		Bốn	1
66	11221065	HUỖNH VĂN	TUẦN		Sáu	2
67	11221068	NGUYỄN THANH	TUẦN		Sáu	3
68	11221070	NGUYỄN VĂN	TUẦN		Một	4
69	11221067	VÕ ANH	TUẦN		Sáu	5
70	11221057	LÊ MINH	TÙNG		Năm	6
71	11221071	MAI THANH	TUYÊN		Sáu	7
72	11221072	NGUYỄN ANH	VŨ		Tám	8
73	11221073	NGUYỄN TẤN	VŨ			9
						10
						11
						12
						13
						14
						15
						16
						17
						18
						19
						20
						21
						22
						23
						24
						25
						26
						27
						28
						29
						30
						31
						32

Số bài: 63

Số tờ: 82 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 19 tháng 6 năm 12

Đinh T. Thủy Thủy

Bùi Đức Uyển

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Các ng.kỳ CB của CN Mác-Lênin (200106-23)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tô	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	11221005	TRẦN THỊ ANH		Vinh	Bảy	1 0 1 1 2 4 4 1 8 7
2	11221006	NGUYỄN HOÀNG ANH		AMC	Bảy	2 0 1 2 3 4 6 9 8 9
3	11221007	NGUYỄN HOÀNG ANH		ĐH	Tám	3 0 1 2 3 4 6 6 7 9
4	11221008	NGUYỄN VĂN BẮC		Niên thi		4 0 1 2 3 4 6 6 7 9
5	11221009	NGUYỄN VĂN BẾN		Bến	chín	5 0 1 2 3 4 6 6 7 8
6	11221010	NGUYỄN THÀNH CÔNG		TH	Năm	6 0 1 2 3 4 6 6 7 9
7	11221011	ĐẶNG HÙNG CƯỜNG				7 0 1 2 3 4 6 6 7 9
8	11221014	PHẠM XUÂN ĐÔNG		Niên thi		8 0 1 2 3 4 6 6 7 9
9	11221015	HUYỀN NGUYỄN TRONG DUY		Trần	Bảy	9 0 1 2 3 4 6 6 7 9
10	11221013	BÙI TÂN DƯƠNG		TH	Bảy	10 0 1 2 3 4 6 6 7 9
11	11221012	VÕ THỊ THUY ĐƯƠNG		Niên thi		11 0 1 2 3 4 6 6 7 9
12	11221002	HUYỀN VĂN ĐIỀN		TH	chín	12 0 1 2 3 4 6 6 7 9
13	11221003	ĐẶNG THANH ĐIỀU		TH	Tám	13 0 1 2 3 4 6 6 7 9
14	11221001	HUYỀN RANG ĐÔNG				14 0 1 2 3 4 6 6 7 9
15	11221004	LÊ HỮU ĐỨC		TH	Tám	15 0 1 2 3 4 6 6 7 9
16	11221016	NGUYỄN TÚ EM		Niên	Bảy	16 0 1 2 3 4 6 6 7 9
17	11221017	PHAN TRƯỜNG GIANG		TH	Sáu	17 0 1 2 3 4 6 6 7 9
18	11221020	MAI HỒNG HẠNH		TH	chín	18 0 1 2 3 4 6 6 7 9
19	11221021	NGUYỄN NGỌC HẠNH		Niên thi		19 0 1 2 3 4 6 6 7 9
20	11221018	VÕ THỊ THANH HẠNH		Niên thi		20 0 1 2 3 4 6 6 7 9
21	11221022	LÂM TRỌNG HIẾU		TH	Bảy	21 0 1 2 3 4 6 6 7 9
22	11221023	LÊ PHÚ HUY		TH	chín	22 0 1 2 3 4 6 6 7 9
23	11221024	PHẠM THỊ THANH HUYỀN		TH	Tám	23 0 1 2 3 4 6 6 7 9
24	11221019	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG				24 0 1 2 3 4 6 6 7 9
25	11221025	TRẦN NAM KHA		TH	Tám	25 0 1 2 3 4 6 6 7 9
26	11221026	NGUYỄN ĐĂNG KHOA		TH	Bảy	26 0 1 2 3 4 6 6 7 9
27	11221028	HUYỀN PHI LONG		TH	chín	27 0 1 2 3 4 6 6 7 9
28	11221029	NGÔ HOÀNG LONG		TH	Bảy	28 0 1 2 3 4 6 6 7 9
29	11221027	HUYỀN THIỀU LƯƠNG				29 0 1 2 3 4 6 6 7 9
30	11221030	HUYỀN HOÀNG MINH		TH	Bảy	30 0 1 2 3 4 6 6 7 9
31	11221032	NGUYỄN VĂN NHÂN		TH	Sáu	31 0 1 2 3 4 6 6 7 9
32	11221033	ĐÀO KIM NHÂN		TH	Tám	32 0 1 2 3 4 6 6 7 9

Số bài: 53 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 3 tháng 7 năm 2012

Trần Công Bình

ThS. Nguyễn Văn Công

Đinh T. Thủy Hoàng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác-Lênin (200106-23)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	11221031	LÊ TRỌNG NHÂN	/		/	1
34	11221034	TRẦN THANH NUÔI		Nguyễn Hải	Hải	2
35	11221040	LÊ HOÀI PHONG		Phong	Phong	3
36	11221037	NGUYỄN THANH PHÚ	/		/	4
37	11221038	HUỖNH ĐIỂM PHÚC		Nguyễn Thị		5
38	11221039	NGUYỄN THANH PHÚC	/		/	6
39	11221035	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC		Nguyễn Hồng	Phước	7
40	11221036	LƯƠNG NGỌC PHƯƠNG		Nguyễn Ngọc	Phương	8
41	11221041	HUỖNH THANH SANG		Nguyễn Thanh	Sang	9
42	11221042	PHAN VĂN SANG	/		/	10
43	11221043	TRƯƠNG THANH SANG		Trương Thanh	Sang	11
44	11221044	NGUYỄN NHẤT SINH		Nguyễn Nhất	Sinh	12
45	11221046	LÊ THÀNH TẤN	/		/	13
46	11221054	NGUYỄN PHÚ THANH	/		/	14
47	11221048	VÕ THÀNH THUẬN		Võ Thành	Thuận	15
48	11221049	VÕ TRƯỜNG THÀNH		Võ Trường	Thành	16
49	11221050	MAI VĂN THẢO		Mai Văn	Thảo	17
50	11221052	PHẠM THỊ HỒNG THẨM		Phạm Thị	Hồng Thẩm	18
51	11221051	NGUYỄN VĂN THẮNG		Nguyễn Văn	Thắng	19
52	11221053	HUỖNH MINH THẮNG		Huỳnh Minh	Thắng	20
53	11221047	LÊ THỊ ANH THƯ		Lê Thị	Anh Thư	21
54	11221055	HỒ VĂN THUẬT		Hồ Văn	Thuật	22
55	11221058	MAI THANH TOÀN		Mai Thanh	Toàn	23
56	11221045	TRẦN BẢO TỒN		Trần Bảo	Tồn	24
57	11221056	HUỖNH MINH TÓI		Huỳnh Minh	Tối	25
58	11221061	VÕ THANH TRAI		Võ Thanh	Trai	26
59	11221059	NGUYỄN HẢI MINH TRẦN		Nguyễn Hải	Minh Trần	27
60	11221064	TRẦN MINH TRÍ		Trần Minh	Trí	28
61	11221063	VÕ MINH TRÍ		Võ Minh	Trí	29
62	11221062	PHẠM VĂN TRỌNG		Phạm Văn	Trọng	30
63	11221060	ÔN THANH TRƯƠNG		Ôn Thanh	Trương	31
64	11221066	ĐỒNG VĂN TUẤN		Đồng Văn	Tuấn	32

Số bài: 53

Số tờ: 53

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 03 tháng 7 năm 2012

Trần Công Bình
Đinh T. Trung Hoàng

Nguyễn Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác-Lênin (200106-23)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.T.Đ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ điểm vòng tròn cho điểm nguyên
33	11221031	LÊ TRỌNG NHẬN	/	/	/	1
34	11221034	TRẦN THANH NUÔI	/	/	/	2
35	11221040	LÊ HOÀI PHONG	/	/	/	3
36	11221037	NGUYỄN THANH PHÚ	/	/	/	4
37	11221030	HUỖNH ĐIỂM	/	/	/	5
38	11221039	NGUYỄN THANH PHÚC	/	/	/	6
39	11221035	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	/	/	/	7
40	11221036	LƯƠNG NGỌC PHƯƠNG	/	/	/	8
41	11221041	HUỖNH THANH SANG	/	/	/	9
42	11221042	PHAN VĂN SANG	/	/	/	10
43	11221043	TRƯƠNG THANH SANG	/	/	/	11
44	11221044	NGUYỄN NHẬT SINH	/	/	/	12
45	11221046	LÊ THÀNH TÂN	/	/	/	13
46	11221054	NGUYỄN PHÚ THANH	/	/	/	14
47	11221048	VÕ THÀNH THUẬN	/	/	/	15
48	11221049	VÕ TRƯỜNG THÀNH	/	/	/	16
49	11221050	MAI VĂN THẢO	/	/	/	17
50	11221052	PHẠM THỊ HỒNG THẨM	/	/	/	18
51	11221051	NGUYỄN VĂN THẮNG	/	/	/	19
52	11221053	HUỖNH MINH THẮNG	/	/	/	20
53	11221047	LÊ THỊ ANH THƯ	/	/	/	21
54	11221055	MỖ VĂN THUẬT	/	/	/	22
55	11221058	MAI THANH TOÀN	/	/	/	23
56	11221045	TRẦN BẢO TỒN	/	/	/	24
57	11221056	HUỖNH MINH TÔI	/	/	/	25
58	11221061	VÕ THANH TRAI	/	/	/	26
59	11221059	NGUYỄN HẢI MINH TRẦN	/	/	/	27
60	11221064	TRẦN MINH TRÍ	/	/	/	28
61	11221063	VÕ MINH TRÍ	/	/	/	29
62	11221062	PHẠM VĂN TRỌNG	/	/	/	30
63	11221060	ÔN THANH TRƯƠNG	/	/	/	31
64	11221066	ĐỒNG VĂN TUẤN	/	/	/	32

Số bài: 58

Số tờ: 53

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 03 tháng 7 năm 2012

Trần Công Bình
Đinh T. Thủy Hoàng

Nguyễn Văn Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Các ng.lý CB của CN Mác-Lênin (200106-23)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.TĐ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	11221069	HUỖNH ANH	TUẦN		10	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	11221065	HUỖNH VĂN	TUẦN		10	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	11221068	NGUYỄN THANH	TUẦN		10	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	11221070	NGUYỄN VĂN	TUẦN		10	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	11221067	VÕ ANH	TUẦN		10	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	11221057	LÊ MINH	TÙNG		10	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	11221071	MAI THANH	TUYÊN		10	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	11221072	NGUYỄN ANH	VŨ		10	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	11221073	NGUYỄN TÂN	VŨ		10	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 53

Số tờ: 53 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 07 năm 2012

Trần Công Bình
Đinh T. Thủy

Nguyễn Văn Công

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
1	11221005	TRẦN THỊ	AI		5	1	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
2	11221006	NGUYỄN HOÀNG	ANH		5	2	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
3	11221007	NGUYỄN HOÀNG	ANH		5	3	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
4	11221008	NGUYỄN VĂN	BÁY		5	4	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
5	11221009	NGUYỄN VĂN	BÈN		5	5	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
6	11221010	NGUYỄN THÀNH	CÔNG		5	6	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
7	11221011	ĐẶNG HÙNG	CUÔNG		5	7	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
8	11221014	PHẠM XUÂN	DỪNG		5	8	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
9	11221015	HUYỀN NGUYỄN TRỌNG	DUY		5	9	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
10	11221013	BÙI TẤN	DƯƠNG		5	10	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
11	11221012	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG		6	11	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐
12	11221002	HUYỀN VĂN	ĐIÊN		6	12	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐
13	11221003	ĐẶNG THANH	ĐIỀU		5	13	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
14	11221001	HUYỀN RANG	ĐÔNG		5	14	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
15	11221004	LÊ HỮU	ĐỨC		6	15	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐
16	11221016	NGUYỄN TÚ	EM		7	16	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐
17	11221017	PHAN TRƯỜNG	GIANG		6	17	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐
18	11221020	MAI HỒNG	HÀNH		9	18	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐
19	11221021	NGUYỄN NGỌC	HÀNH		5	19	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
20	11221018	VÕ THỊ THANH	HÀNG		5	20	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
21	11221022	LÂM TRỌNG	HIỀU		6	21	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐
22	11221023	LÊ PHÚ	HUY		6	22	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐
23	11221024	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN		5	23	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
24	11221019	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG		5	24	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
25	11221025	TRẦN NAM	KHA		5	25	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
26	11221026	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA		3	26	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐
27	11221028	HUYỀN PHI	LONG		3	27	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
28	11221029	NGÔ HOÀNG	LONG		5	28	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
29	11221027	HUYỀN THIỆU	LƯƠNG		5	29	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
30	11221030	HUYỀN HOÀNG	MINH		5	30	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐
31	11221032	NGUYỄN VĂN	NHÂN		2	31	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
32	11221033	ĐÀO KIM	NHÂN		5	32	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐

Số bài: 62 Số tờ: 62 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 16 tháng 7 năm 2022

Trần Công Bình *Trần Công Bình*
Đinh T. Trung *Đinh T. Trung*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Anh văn 1 (213601-22)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	NHÂN	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ chấm vòng tròn cho điểm nguyên
33	11221031	LÊ TRỌNG	NHÂN	1		1	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	11221034	TRẦN THANH	NUÔI	1		2	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	11221040	LÊ HOÀI	PHONG	1		3	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	11221037	NGUYỄN THANH	PHÚ	1		1	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	11221038	HUỖNH DIỄM	PHÚC	1		3	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	11221039	NGUYỄN THANH	PHÚC	1		1	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	11221035	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	11221036	LƯƠNG NGỌC	PHƯỢNG	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	11221041	HUỖNH THANH	SANG	1		3	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	11221042	PHAN VĂN	SANG	1		1	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	11221043	TRƯƠNG THANH	SANG	1		2	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	11221044	NGUYỄN NHẬT	SINH	1		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	11221046	LÊ THÀNH	TẤN	1		1	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	11221054	NGUYỄN PHÚ	THANH	1		1	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	11221048	VÕ THÀNH	THUẬN	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	11221049	VÕ TRƯỜNG	THÀNH	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	11221050	MAI VĂN	THẢO	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	11221052	PHẠM THỊ HỒNG	THẨM	1		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	11221051	NGUYỄN VĂN	THẮNG	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	11221053	HUỖNH MINH	THẮNG	1		2	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	11221047	LÊ THỊ ANH	THƯ	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	11221055	HỒ VĂN	THUẬT	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	11221058	MAI THANH	TOÀN	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	11221045	TRẦN BẢO	TỒN	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	11221056	HUỖNH MINH	TÔI	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	11221061	VÕ THANH	TRAI	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	11221059	NGUYỄN HẢI MINH	TRẦN	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	11221064	TRẦN MINH	TRÍ	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	11221063	VÕ MINH	TRÍ	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	11221062	PHẠM VĂN	TRỌNG	1		6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	11221060	ÔN THANH	TRƯỜNG	1		5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	11221066	ĐỒNG VĂN	TUẦN	1		3	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 62

Số tờ: 62

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 7 năm 20

Trần Công Bình
Đinh T. Thủy Hoàng

Quê
Tạ Mỹ Nga

Quảng Mỹ Thâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Anh văn 1 (213601-22)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	11221069	HUỖNH ANH	TUẦN		5	1
66	11221065	HUỖNH VĂN	TUẦN		5	2
67	11221068	NGUYỄN THANH	TUẦN		5	3
68	11221070	NGUYỄN VĂN	TUẦN		5	4
69	11221067	VÕ ANH	TUẦN		5	5
70	11221057	LÊ MINH	TÙNG		5	6
71	11221071	MAI THANH	TUYÊN		5	7
72	11221072	NGUYỄN ANH	VŨ		5	8
73	11221073	NGUYỄN TẤN	VŨ		5	9
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						
32						

Số bài: 62

Số tờ: 62

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 7 năm 12

Trần Công Bình
Đinh 7. Thủy Hoàng

Tạ Mỹ Nga

Dương Mỹ Thuận